

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỀU KIỆN
CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
KHÓA 4/2018, NGÀY THI 14/4/2018

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-TTCNTT-TT ngày 17 tháng 4 năm 2018
của Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông)*

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	SỐ HIỆU PHÔI
						LT	TH		
1	cb18k4_001	Hà Thị Lan	Anh	11/12/1979	Quảng Bình	8,8	9,0	Đạt	646548
2	cb18k4_003	Lê Thị Kim	Cương	27/07/1983	Quảng Bình	7,1	8,5	Đạt	646549
3	cb18k4_004	Từ Sỹ	Chương	03/10/1980	Quảng Bình	6,7	9,5	Đạt	646550
4	cb18k4_006	NguyễnViết	Đăng	20/03/1979	Quảng Bình	8,8	8,5	Đạt	646551
5	cb18k4_007	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	10/11/1987	Quảng Bình	7,1	8,5	Đạt	646552
6	cb18k4_008	Nguyễn Thị Tuyết	Hạnh	10/09/1976	Quảng Bình	7,5	9,5	Đạt	646553
7	cb18k4_009	Lưu Vũ Diễm	Hằng	11/12/1984	Quảng Bình	8,3	8,5	Đạt	646554
8	cb18k4_010	Phạm Thúy	Hằng	17/06/1979	Quảng Bình	6,3	8,5	Đạt	646555
9	cb18k4_011	Cao Thị Thu	Hiền	01/09/1982	Quảng Bình	7,5	8,5	Đạt	646556
10	cb18k4_012	Lê Thị Mai	Hoa	09/02/1983	Quảng Bình	7,9	10	Đạt	646557
11	cb18k4_013	Trương Thị Thanh	Hoa	24/06/1982	Thừa Thiên Huế	7,1	10	Đạt	646558
12	cb18k4_014	Phan Xuân	Hòa	12/10/1985	Quảng Bình	7,9	7,5	Đạt	646559
13	cb18k4_015	Võ Việt	Hòa	20/05/1988	Quảng Bình	8,8	8,0	Đạt	646560
14	cb18k4_016	Trần Quý	Hoài	22/05/1970	Quảng Bình	7,9	9,0	Đạt	
15	cb18k4_017	Đoàn Mạnh	Hồng	01/11/1995	Quảng Bình	8,8	9,0	Đạt	646562
16	cb18k4_018	Phạm Văn	Hồng	26/06/1975	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	646563
17	cb18k4_019	Võ Mạnh	Hùng	29/04/1991	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	646564
18	cb18k4_020	Tạ Thị Thanh	Huyền	30/11/1977	Quảng Bình	7,5	8,5	Đạt	646565
19	cb18k4_021	Vũ Việt	Hưng	28/08/1970	Quảng Bình	6,7	8,5	Đạt	646566
20	cb18k4_022	Nguyễn Thị	Hương	15/07/1980	Quảng Bình	8,3	9,5	Đạt	646567
21	cb18k4_023	Nguyễn Thị	Hương	25/05/1985	Quảng Bình	7,5	10	Đạt	646568
22	cb18k4_024	Nguyễn Thị Thanh	Hương	29/04/1981	Quảng Bình	7,5	10	Đạt	646569

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	SỐ HIỆU PHÔI
						LT	TH		
23	cb18k4_025	Trương Thị Thanh	Hương	21/10/1981	Quảng Bình	7,5	9,5	Đạt	646570
24	cb18k4_026	Võ Thị Diệu	Hương	12/08/1992	Quảng Bình	7,1	9,5	Đạt	646571
25	cb18k4_027	Nguyễn Thị Phương	Lan	22/10/1974	Quảng Bình	8,3	9,0	Đạt	646572
26	cb18k4_028	Trần Thị	Lan	24/04/1977	Quảng Bình	7,9	9,0	Đạt	646573
27	cb18k4_029	Trần Thị	Lành	06/11/1984	Hà Tĩnh	7,5	9,0	Đạt	646574
28	cb18k4_030	Nguyễn Thị Ngọc	Lê	04/05/1980	Quảng Bình	7,9	9,0	Đạt	646575
29	cb18k4_031	Đoàn Văn	Linh	23/07/1967	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	646576
30	cb18k4_032	Hồ Thị Khánh	Linh	25/10/1995	Quảng Bình	9,2	8,5	Đạt	646577
31	cb18k4_033	Mai Thị	Linh	18/07/1995	Quảng Bình	8,8	9,0	Đạt	646578
32	cb18k4_034	Nguyễn Duy	Linh	20/11/1985	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	646579
33	cb18k4_035	Thái Thị	Lợi	18/01/1975	Quảng Bình	7,5	8,5	Đạt	646580
34	cb18k4_036	Nguyễn Văn	Luyến	14/09/1977	Quảng Bình	7,5	9,0	Đạt	646581
35	cb18k4_037	Nguyễn Khắc	Luyện	29/10/1970	Quảng Bình	8,3	8,0	Đạt	646582
36	cb18k4_038	Mai Xuân	Mãi	29/01/1984	Quảng Bình	9,6	10	Đạt	646583
37	cb18k4_039	Lê Thị	Mạnh	18/09/1980	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	646584
38	cb18k4_040	Hoàng Văn	Minh	08/10/1979	Quảng Bình	7,9	8,0	Đạt	646585
39	cb18k4_041	Trần Văn	Nam	10/02/1985	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	646586
40	cb18k4_042	Đặng Văn	Nga	22/03/1994	Quảng Bình	8,8	10	Đạt	646587
41	cb18k4_043	Lê Thị	Nga	15/01/1971	Quảng Bình	8,3	8,0	Đạt	646588
42	cb18k4_044	Nguyễn Thị	Ngà	20/02/1993	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	646589
43	cb18k4_045	Mai Giáng	Ngọc	24/03/1996	Quảng Bình	7,5	9,0	Đạt	646590
44	cb18k4_046	Nguyễn Thảo	Ngọc	03/07/1993	Quảng Bình	6,7	8,5	Đạt	646591
45	cb18k4_047	Trần Đình	Nguyên	16/02/1995	Quảng Bình	9,6	10	Đạt	646592
46	cb18k4_048	Lê Thị Kiều	Oanh	22/09/1979	Quảng Bình	8,8	9,0	Đạt	646593
47	cb18k4_049	Nguyễn Văn	Phóng	06/11/1982	Quảng Bình	8,3	8,0	Đạt	646594
48	cb18k4_050	Hoàng Thị Linh	Phương	24/04/1993	Quảng Bình	7,5	9,0	Đạt	646595
49	cb18k4_051	Nguyễn Thị	Phượng	10/02/1993	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	646596

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	SỐ HIỆU PHÔI
						LT	TH		
50	cb18k4_052	Nguyễn Văn	Quang	13/07/1979	Thái Nguyên	7,1	8,0	Đạt	646597
51	cb18k4_053	Nguyễn Thị Hồng	Quyên	02/05/1994	Quảng Bình	7,5	8,5	Đạt	646598
52	cb18k4_054	Lê Viết	Sơn	27/09/1984	Quảng Bình	7,9	8,0	Đạt	646599
53	cb18k4_055	Trần Ngọc	Sơn	06/10/1981	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	646600
54	cb18k4_056	Võ Thị	Sương	12/04/2000	Quảng Bình	6,7	8,0	Đạt	646601
55	cb18k4_057	Lâm Mẫu	Tài	04/10/1974	Hà Tĩnh	8,8	8,0	Đạt	646602
56	cb18k4_058	Phan Ngọc	Tài	24/02/1988	Quảng Bình	8,3	8,5	Đạt	646603
57	cb18k4_059	Trần Xuân	Tình	12/06/1976	Quảng Bình	6,7	8,5	Đạt	646604
58	cb18k4_060	Nguyễn Văn	Tuấn	08/05/1989	Quảng Bình	7,1	8,5	Đạt	646605
59	cb18k4_061	Trần Đình	Tuấn	22/04/1978	Quảng Bình	7,9	8,0	Đạt	646606
60	cb18k4_062	Nguyễn Thị	Tuyết	30/08/1977	Quảng Bình	6,3	8,0	Đạt	646607
61	cb18k4_063	Lâm Thị	Thành	17/09/1976	Quảng Bình	7,5	8,0	Đạt	646608
62	cb18k4_064	Nguyễn Bích	Thảo	03/02/1992	Quảng Bình	9,2	10	Đạt	646609
63	cb18k4_065	Nguyễn Thị	Thông	15/07/1981	Quảng Bình	7,5	8,5	Đạt	646610
64	cb18k4_066	Nguyễn Thị Bích	Thủy	05/12/1979	Quảng Bình	9,2	9,0	Đạt	646611
65	cb18k4_067	Nguyễn Thị Thu	Thủy	11/09/1976	Quảng Bình	7,5	9,0	Đạt	646612
66	cb18k4_068	Đinh Thị Ngọc	Thúy	07/01/1977	Thừa Thiên Huế	9,2	9,0	Đạt	646613
67	cb18k4_069	Trần Thị	Thúy	01/01/1977	Quảng Bình	9,2	9,5	Đạt	646614
68	cb18k4_070	Nguyễn Thị	Thương	02/11/1994	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	646615
69	cb18k4_071	Lê Viết Hải	Triều	08/03/1987	Quảng Bình	7,1	8,5	Đạt	646616
70	cb18k4_072	Dương Thanh	Trung	20/01/1992	Quảng Bình	7,9	10	Đạt	646617
71	cb18k4_073	Nguyễn Thị	Vinh	12/02/1970	Quảng Bình	6,3	8,5	Đạt	646618
72	cb18k4_074	Hồ Thị	Vừa	02/03/2001	Quảng Bình	7,1	8,0	Đạt	646619
73	cb18k4_075	Nguyễn Thị	Yến	09/03/1980	Quảng Bình	6,3	8,5	Đạt	646620

(Ấn định danh sách này gồm 73 thí sinh)